

THÔNG BÁO

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường năm học 2021-2022

Kính gửi: Các đơn vị thuộc trường.

Thực hiện Kế hoạch số 44/KH-ĐHPVĐ ngày 24/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường năm học 2021-2022, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế phối hợp với Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục đã triển khai thực hiện Kế hoạch nói trên. Việc lấy ý kiến phản hồi được thực hiện theo đúng quy trình và đảm bảo tính khách quan. Đến nay việc thu thập, xử lý kết quả lấy ý kiến phản hồi đã hoàn thành.

Nhà trường Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường năm học 2021-2022 đến các đơn vị (*có báo cáo kết quả phân tích dữ liệu kèm theo*). Đề nghị các đơn vị tùy theo chức năng, nhiệm vụ xem xét, đánh giá các ý kiến đóng góp của giảng viên và sinh viên, tham mưu xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm tiếp tục nâng cao hơn nữa về chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sở hữu trí tuệ của nhà trường.

Kế hoạch cải tiến gửi về nhà trường qua Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục **trước ngày 30/5/2022**./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, KT-ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đình Thám

**KẾT QUẢ
LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA GIẢNG VIÊN
VÀ SINH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHPVD ngày tháng 5 năm 2022)

I. Thời gian lấy ý kiến phản hồi

Thực hiện từ tháng 01/3/2022 đến tháng 28/3/2022.

II. Hình thức lấy ý kiến phản hồi

Lấy ý kiến thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tuyến. Dữ liệu thu được được xử lý bằng phần mềm thống kê xã hội học SPSS 22 (*Statistical Package for the Social Sciences*).

III. Đối tượng lấy ý kiến phản hồi

1. Giảng viên (GV) được chọn để lấy ý kiến

Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng Trường, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (những người có ngạch GV) và toàn thể GV (*danh sách số lượng khảo sát được thể hiện cụ thể ở bảng 1*).

2. Sinh viên (SV) được chọn lấy ý kiến phản hồi

Sinh viên các lớp hệ chính quy từ năm 2 trở lên đang theo học ở trường (*danh sách lớp được thể hiện cụ thể ở bảng 2*).

IV. Kết quả lấy ý kiến phản hồi

1. Số lượng GV tham gia khảo sát

Số GV ở các khoa, phòng, trung tâm tham gia khảo sát đạt 100%, cụ thể như sau:

Bảng 1: Số lượng GV tham gia khảo sát

TT	Khoa, phòng, trung tâm	Số lượng GV tham gia khảo sát/tổng số GV theo kế hoạch	Tỷ lệ đạt (%)
I	Hội đồng trường	1/1	100
II	BGH	1/1	100
III	Các Khoa		
1	Sư phạm Xã hội	23/23	100

2	GDTC-QPAN	9/9	100
3	Ngoại ngữ	17/17	100
4	Sư phạm Tự nhiên	16/16	100
5	Công nghệ thông tin	17/17	100
6	Kỹ thuật Công nghệ	13/13	100
7	Kinh tế	10/10	100
8	Lý luận Chính trị	7/7	100
9	Hóa-Sinh-Môi trường	8/8	100
III	Phòng, Trung tâm		
10	Phòng HCQT	3/3	100
11	Trung tâm HTSV-QHDN&KN	3/3	100
12	Trung tâm ĐTTX	3/3	100
13	Trung tâm NNTH	2/2	100
14	Phòng Đào tạo	7/7	100
15	Trung tâm TTTL	1/1	100
16	Phòng QLKH&HTQT	4/4	100
17	Phòng KHTC	1/1	100
18	Phòng KT-ĐBCLGD	4/4	100
19	Phòng CTHSSV	2/2	100
Tổng		152	100

2. Số lượng SV tham gia khảo sát

Số SV ở các khoa tham gia khảo sát, cụ thể như sau:

Bảng 2: Số lượng SV tham gia khảo sát

TT	Khoa quản lý sinh viên	Lớp lấy ý kiến	Số lượng SV tham gia khảo sát
1	Khoa Ngoại Ngữ	DTA18	14
		DSA19	8
		DTA19	8
		DSA20	4
		DTA20	3
		CSA19	7
2	Khoa SPTN	CTH19A	22
		CTH19B	16
3	Khoa SPXH	CMN19A	19

		CMN19B	20
		CMN20A	27
		CMN20B	28
		CMN20C	24
		DSN20	11
4	Khoa CNTT	DCT18	7
		DCT19A	9
		DCT19B	0
		DST19	1
		DCT20	18
5	Khoa KTCN	DCĐ18	0
		DCK19	7
		DCK20	26
6	Khoa Kinh tế	DKP18	13
		DQK20	6
Tổng cộng:			298

3. Kết quả khảo sát theo từng tiêu chí

Để đánh giá mức độ đồng ý của GV và SV đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sở hữu trí tuệ, báo cáo đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ, sau đó lấy giá trị trung bình (GTTB) từng tiêu chí để có cơ sở phân tích. Ý nghĩa các mức đánh giá như sau:

1,00 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý;

1,81 – 2,60: Không đồng ý;

2,61 – 3,40: Đồng ý một phần;

3,41 – 4,20: Đồng ý;

4,21 – 5,00: Hoàn toàn đồng ý.

3.1. Đối với GV

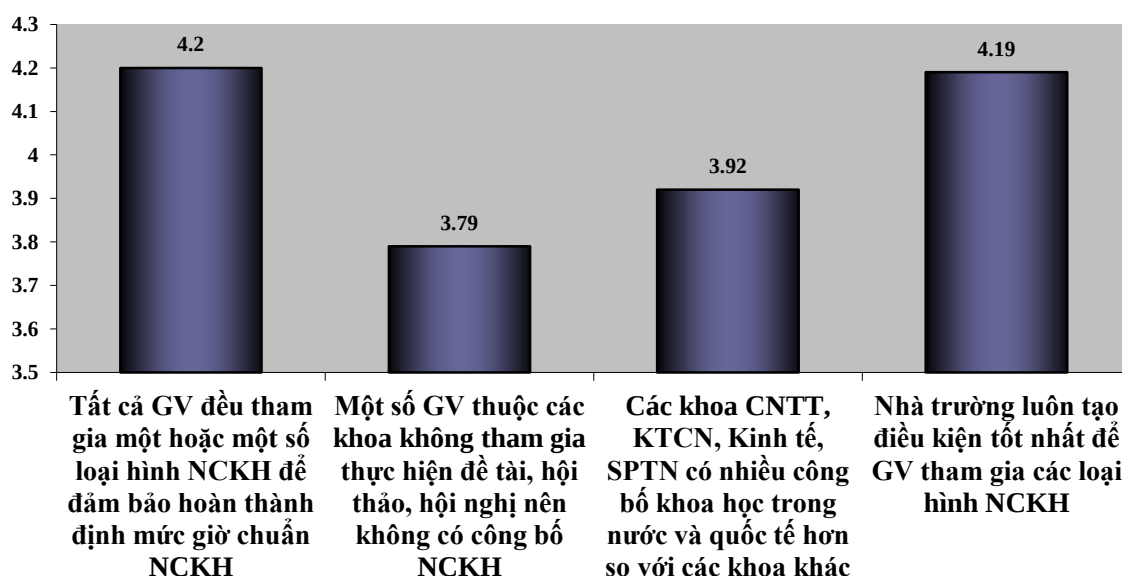
3.1.1. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV về việc tham gia các loại hình NCKH

Bảng 3: Kết quả cụ thể đánh giá của GV về việc tham gia các loại hình NCKH

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Tất cả GV đều tham gia một hoặc một số loại hình NCKH để đảm bảo hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH.	0,7	2,6	10,5	42,8	43,4
Một số GV thuộc các khoa không tham gia thực hiện đề	4,6	5,3	19,7	47,4	23,0

tài, hội thảo, hội nghị nên không có công bố NCKH.					
Các khoa CNTT, KTCN, Kinh tế, SPTN có nhiều công bố khoa học trong nước và quốc tế hơn so với các khoa khác.	2,6	4,6	19,1	45,4	28,3
Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất để GV tham gia các loại hình NCKH.	0,7	2,0	9,2	53,9	34,2

Biểu đồ 1: Mức độ đồng ý của GV về việc tham gia các loại hình NCKH



Trong các tiêu chí đánh giá về việc tham gia các loại hình NCKH ở trường được đánh ở mức đồng ý. Tiêu chí có giá trị trung bình được đánh giá ở mức cao nhất là “*Tất cả GV đều tham gia một hoặc một số loại hình NCKH để đảm bảo hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH*” (GTTB=4,2), đây cũng là tiêu chí được GV lựa chọn mức đồng ý trở lên chiếm tỷ lệ cao (Đồng ý chiếm 42,8% và hoàn toàn đồng ý chiếm 43,4%).

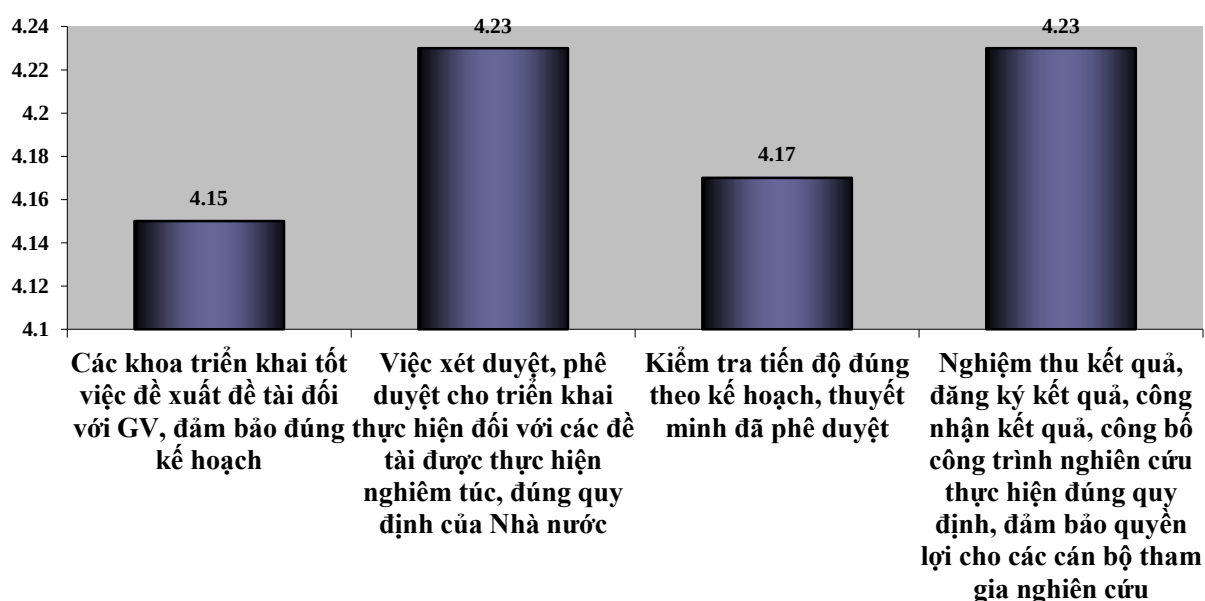
3.1.2. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV về quy trình đề xuất, xét duyệt, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu kết quả

Bảng 4: Kết quả cụ thể đánh giá của GV về quy trình đề xuất, xét duyệt, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu kết quả

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Các khoa triển khai tốt việc đề xuất đề tài đối với GV, đảm bảo đúng kế hoạch.	0,7	1,3	11,2	56,5	30,3

Việc xét duyệt, phê duyệt cho triển khai thực hiện đối với các đề tài được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Nhà nước.	1,3	0,7	6,6	56,5	34,9
Kiểm tra tiến độ đúng theo kế hoạch, thuyết minh đã phê duyệt.	1,3	0,7	5,9	63,2	28,9
Nghiệm thu kết quả, đăng ký kết quả, công nhận kết quả, công bố công trình nghiên cứu thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho các cán bộ tham gia nghiên cứu.	1,3	0,7	5,9	57,9	34,2

Biểu đồ 2: Mức độ đồng ý của GV về quy trình đề xuất, xét duyệt, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu kết quả



Trong các tiêu chí đánh giá về quy trình đề xuất, xét duyệt, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu kết quả được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý. Cụ thể, tiêu chí “*Các khoa triển khai tốt việc đề xuất đề tài đối với GV, đảm bảo đúng kế hoạch*” và “*Kiểm tra tiến độ đúng theo kế hoạch, thuyết minh đã phê duyệt*” được đánh giá ở mức đồng ý. Còn tiêu chí “*Việc xét duyệt, phê duyệt cho triển khai thực hiện đối với các đề tài được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Nhà nước*” và “*Nghiệm thu kết quả, đăng ký kết quả, công nhận kết quả, công*

bổ công trình nghiên cứu thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho các cán bộ tham gia nghiên cứu” được đánh giá ở mức rất đồng ý (có GTTB=4,23).

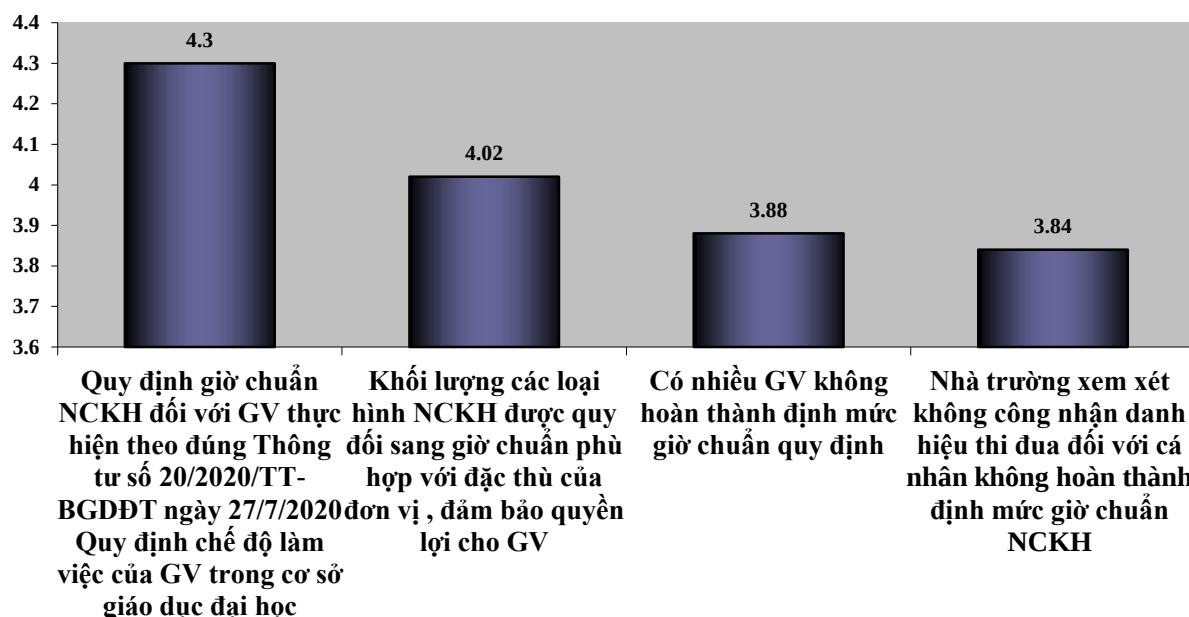
3.1.3. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV về quy định giờ chuẩn NCKH đối với GV, các loại hình NCKH được quy đổi sang giờ chuẩn

Bảng 5: Kết quả cụ thể đánh giá của GV về quy định giờ chuẩn NCKH đối với GV, các loại hình NCKH được quy đổi sang giờ chuẩn

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Quy định giờ chuẩn NCKH đối với GV thực hiện theo đúng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 Quy định chế độ làm việc của GV trong cơ sở giáo dục đại học.	2,0	0	2,6	56,6	38,8
Khối lượng các loại hình NCKH được quy đổi sang giờ chuẩn phù hợp với đặc thù của đơn vị, đảm bảo quyền lợi cho GV.	2,6	1,3	10,5	62,6	23,0
Có nhiều GV không hoàn thành định mức giờ chuẩn quy định.	2,0	3,3	19,1	55,9	19,7
Nhà trường xem xét không công nhận danh hiệu thi đua đối với cá nhân không hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH.	3,9	3,3	23,7	42,8	26,3

Trong các tiêu chí đánh giá về quy định giờ chuẩn NCKH đối với GV, các loại hình NCKH được quy đổi sang giờ chuẩn được đánh giá ở mức rất đồng ý và rất đồng ý. Cụ thể, tiêu chí “*Quy định giờ chuẩn NCKH đối với GV thực hiện theo đúng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 Quy định chế độ làm việc của GV trong cơ sở giáo dục đại học*” được đánh giá ở mức đồng ý, tiêu chí này được GV lựa chọn mức đồng ý trở lên chiếm tỷ lệ rất cao (Đồng ý chiếm 56,6% và hoàn toàn đồng ý chiếm 38,8%). Các tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức đồng ý.

Biểu đồ 3: Mức độ đồng ý của GV về quy định giờ chuẩn NCKH đối với GV, các loại hình NCKH được quy đổi sang giờ chuẩn



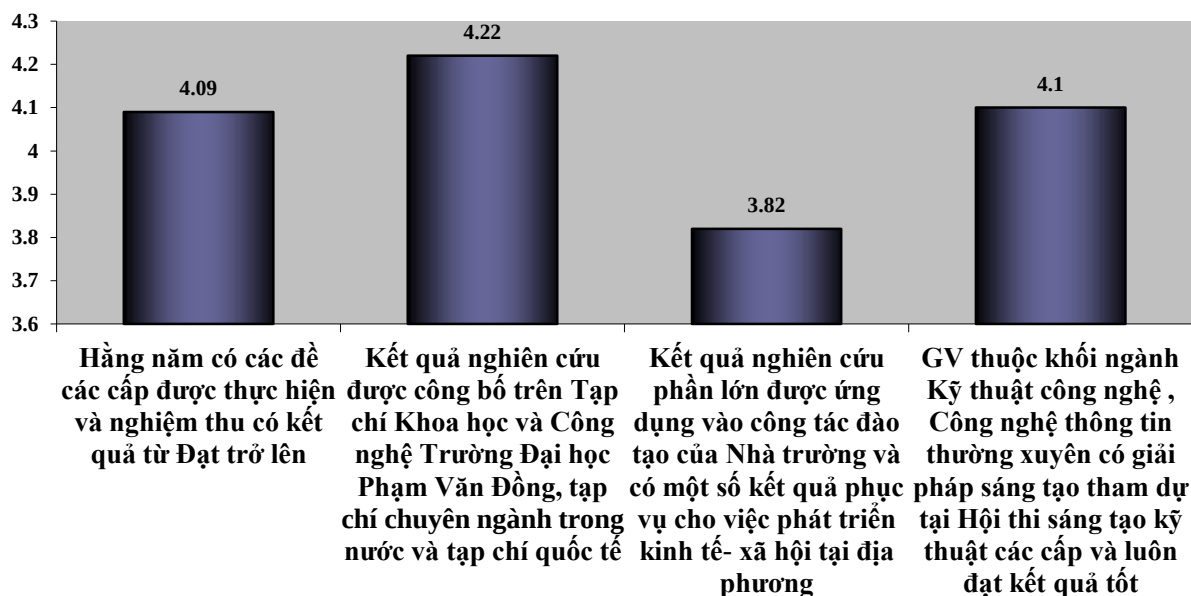
3.1.4. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu

Bảng 6: Kết quả cụ thể đánh giá của GV về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu

Tiêu chí	Hoàn toàn đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Hàng năm có các đề các cấp được thực hiện và nghiệm thu có kết quả từ Đạt trở lên.	1,3	1,3	11,2	59,9	26,3
Kết quả nghiên cứu được công bố trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Phạm Văn Đồng, tạp chí chuyên ngành trong nước và tạp chí quốc tế.	0,7	1,3	8,6	54,5	34,9
Kết quả nghiên cứu phần lớn được ứng dụng vào công tác đào tạo của Nhà trường và có một số kết quả phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.	0,7	2,0	30,9	47,3	19,1
GV thuộc khối ngành Kỹ thuật công nghệ, Công nghệ thông tin thường xuyên có giải pháp	1,3	0,7	15,1	52,6	30,3

sáng tạo tham dự tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật các cấp và luôn đạt kết quả tốt.					
---	--	--	--	--	--

Biểu đồ 4: Mức độ đồng ý của GV về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu



Trong các tiêu chí đánh giá về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu, tiêu chí “*Kết quả nghiên cứu được công bố trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Phạm Văn Đồng, tạp chí chuyên ngành trong nước và tạp chí quốc tế*” được đánh giá ở mức rất đồng ý (GTTB=4,22), tỷ lệ GV lựa chọn mức đồng ý trở lên đạt 89,4%. Các tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức đồng ý.

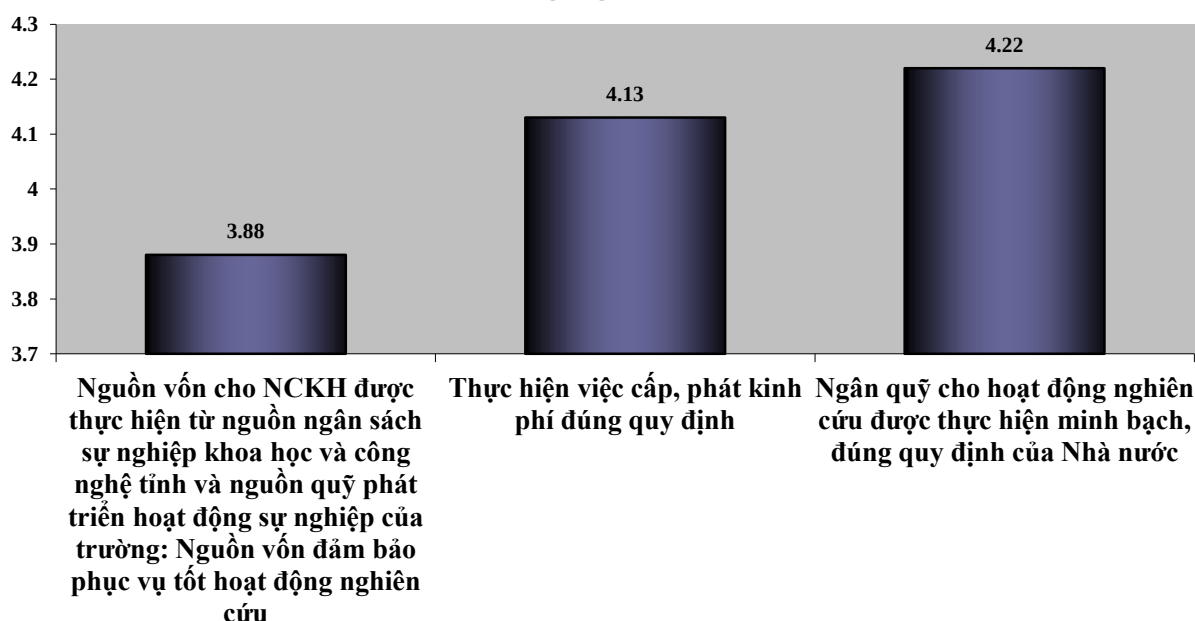
3.1.5. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV về huy động vốn cho NCKH, cấp kinh phí, mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu

Bảng 7: Kết quả cụ thể đánh giá của GV về huy động vốn cho NCKH, cấp kinh phí, mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Nguồn vốn cho NCKH được thực hiện từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh và nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của trường: Nguồn vốn đảm bảo phục vụ tốt hoạt động nghiên	2,6	2,0	22,4	51,3	21,7

cứu.					
Thực hiện việc cấp, phát kinh phí đúng quy định.	1,3	0,7	6,6	67,1	24,3
Ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu được thực hiện minh bạch, đúng quy định của Nhà nước.	1,3	0,7	4,6	61,2	32,2

Biểu đồ 5: Mức độ đồng ý của GV về huy động vốn cho NCKH, cấp kinh phí, mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu



Trong các tiêu chí đánh giá về huy động vốn cho NCKH, cấp kinh phí, mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu, tiêu chí “*Ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu được thực hiện minh bạch, đúng quy định của Nhà nước*” được đánh giá ở mức rất đồng ý (GTTB=4,22), trong đó tỷ lệ GV lựa chọn mức đồng ý trở lên đạt 93,4%. Các tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức đồng ý.

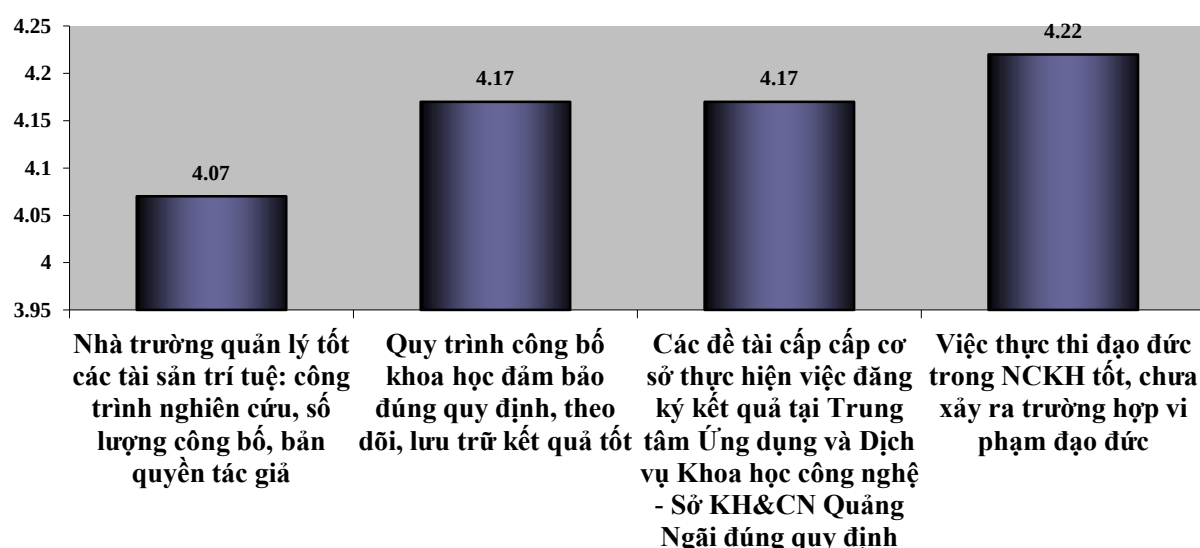
3.1.6. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV về các nội dung quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ: quy trình công bố, theo dõi, lưu trữ kết quả, công nhận sản phẩm, đăng ký kết quả, đăng ký bản quyền

Bảng 8: Kết quả cụ thể đánh giá của GV về các nội dung quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ: quy trình công bố, theo dõi, lưu trữ kết quả, công nhận sản phẩm, đăng ký kết quả, đăng ký bản quyền

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Nhà trường quản lý tốt các tài sản trí tuệ: công trình nghiên cứu	0,7	1,3	9,2	67,7	21,1

cứ, số lượng công bố, bản quyền tác giả.					
Quy trình công bố khoa học đảm bảo đúng quy định, theo dõi, lưu trữ kết quả tốt.	0,7	0,7	7,9	63,1	27,6
Các đề tài cấp cấp cơ sở thực hiện việc đăng ký kết quả tại Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học công nghệ - Sở Khoa học & Công nghệ Quảng Ngãi đúng quy định.	0,7	1,3	6,6	63,1	28,3
Việc thực thi đạo đức trong NCKH tốt, chưa xảy ra trường hợp vi phạm đạo đức.	0,7	1,3	6,6	57,8	33,6

Biểu đồ 6: Mức độ đồng ý của GV về các nội dung quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ: quy trình công bố, theo dõi, lưu trữ kết quả, công nhận sản phẩm, đăng ký kết quả, đăng ký bản quyền



Các tiêu chí đánh giá về các nội dung quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ: quy trình công bố, theo dõi, lưu trữ kết quả, công nhận sản phẩm, đăng ký kết quả, đăng ký bản quyền đều được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý. Trong đó, tiêu chí “Việc thực thi đạo đức trong NCKH tốt, chưa xảy ra trường hợp vi phạm đạo đức” được đánh giá ở mức rất đồng ý, tỷ lệ GV lựa chọn mức đồng ý trở lên đạt 91,4%.

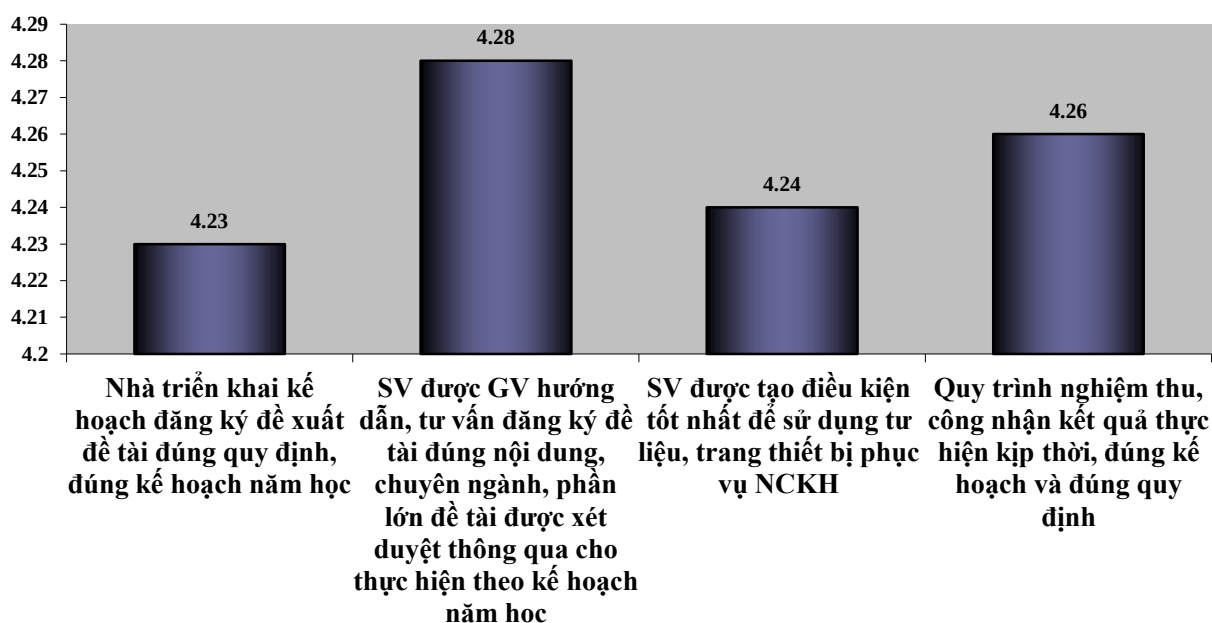
3.2. Đối với SV

3.2.1. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV về quy trình đề xuất, xét duyệt, triển khai thực hiện, hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, quy trình nghiệm thu và công nhận kết quả đề tài NCKH của SV

Bảng 9: Kết quả cụ thể đánh giá của SV về quy trình đề xuất, xét duyệt, triển khai thực hiện, hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, quy trình nghiệm thu và công nhận kết quả đề tài NCKH của SV

Tiêu chí	Hoàn toàn đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Nhà triển khai kế hoạch đăng ký đề xuất đề tài đúng quy định, đúng kế hoạch năm học.	4,0	1,3	4,4	48,3	41,9
SV được GV hướng dẫn, tư vấn đăng ký đề tài đúng nội dung, chuyên ngành, phần lớn đề tài được xét duyệt thông qua cho thực hiện theo kế hoạch năm học.	2,0	2,7	6,0	44,3	45,0
SV được tạo điều kiện tốt nhất để sử dụng tư liệu, trang thiết bị phục vụ NCKH.	2,7	2,3	6,0	46,6	42,3
Quy trình nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện kịp thời, đúng kế hoạch và đúng quy định.	3,4	1,3	4,4	47,7	43,3

Biểu đồ 7: Mức độ đồng ý của SV về quy trình đề xuất, xét duyệt, triển khai thực hiện, hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, quy trình nghiệm thu và công nhận kết quả đề tài NCKH của SV



Các tiêu chí đánh giá về quy trình đề xuất, xét duyệt, triển khai thực hiện, hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, quy trình nghiệm thu và công nhận kết quả đề tài

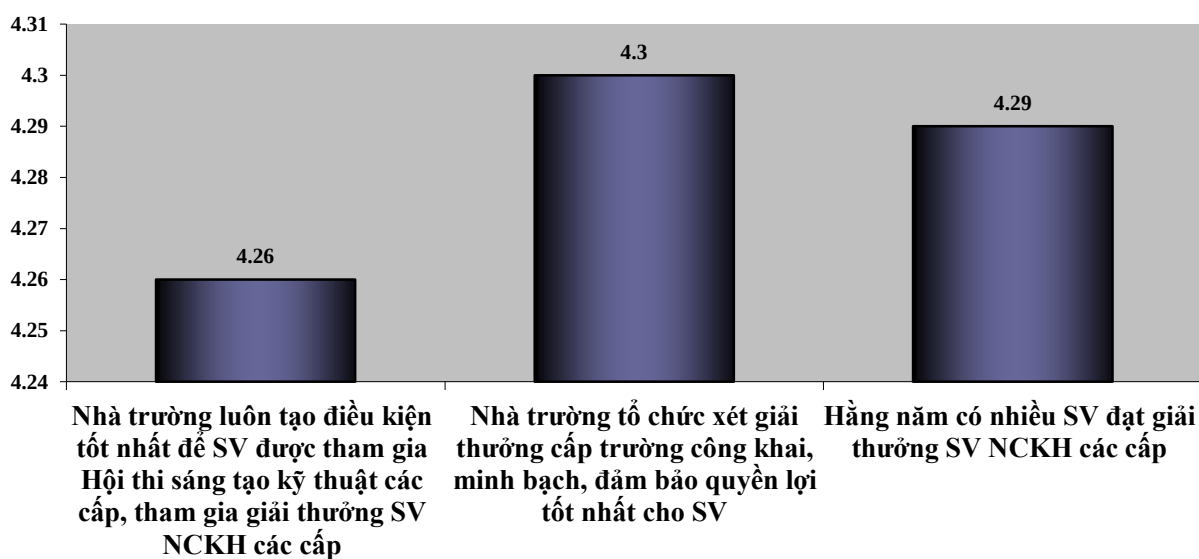
NCKH của SV đều được đánh giá ở mức rất đồng ý. Trong đó, tiêu chí “SV được GV hướng dẫn, tư vấn đăng ký đề tài đúng nội dung, chuyên ngành, phần lớn đề tài được xét duyệt thông qua cho thực hiện theo kế hoạch năm học” được đánh giá cao nhất (GTTB=4,28), tỷ lệ SV lựa chọn mức đồng ý trở lên đạt 89,3%.

3.2.2. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV về việc tham gia các Hội thi sáng tạo và khen thưởng trong hoạt động NCKH của SV

Bảng 10: Kết quả cụ thể đánh giá của SV về việc tham gia các Hội thi sáng tạo và khen thưởng trong hoạt động NCKH của SV

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất để SV được tham gia Hội thi sáng tạo kỹ thuật các cấp, tham gia giải thưởng SV NCKH các cấp.	3,0	5,0	4,0	48,0	43,0
Nhà trường tổ chức xét giải thưởng cấp trường công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho SV.	2,0	3,7	4,4	42,6	47,3
Hàng năm có nhiều SV đạt giải thưởng SV NCKH các cấp.	2,3	2,0	5,0	45,3	45,3

Biểu đồ 8: Mức độ đồng ý của SV về việc tham gia các Hội thi sáng tạo và khen thưởng trong hoạt động NCKH của SV



Các tiêu chí đánh giá về việc tham gia các Hội thi sáng tạo và khen thưởng trong hoạt động NCKH của SV đều được đánh giá ở mức rất đồng ý.

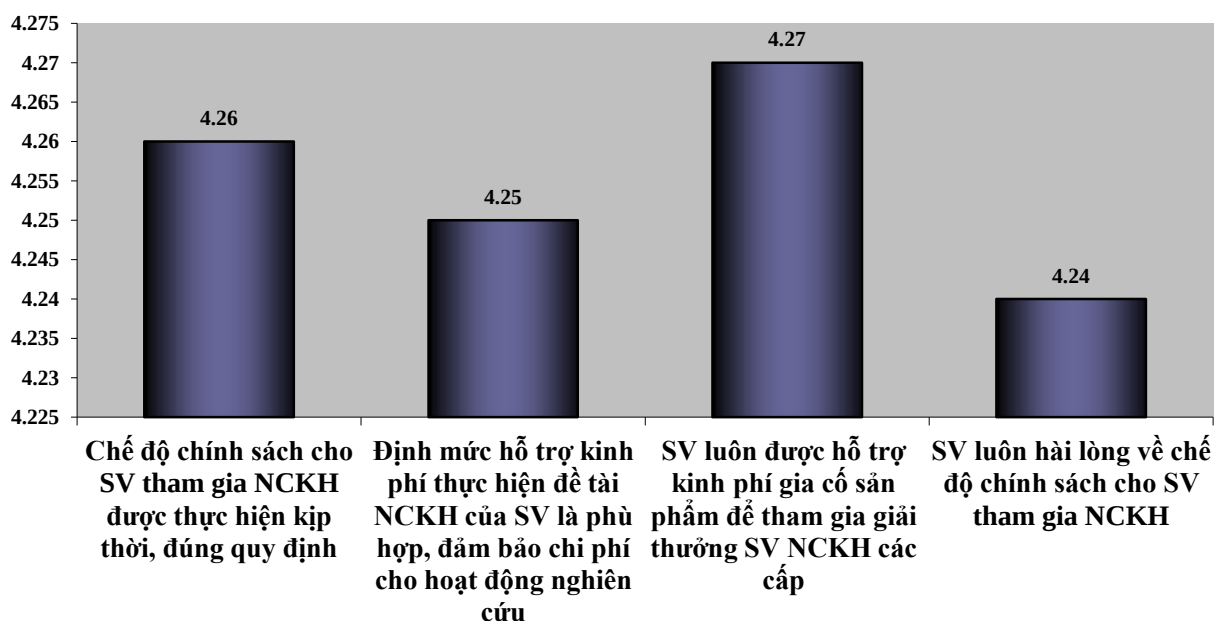
Trong đó tiêu chí “Nhà trường tổ chức xét giải thưởng cấp trường công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho SV” được đánh giá cao nhất (GTTB=4,3), tỷ lệ SV lựa chọn mức đồng ý trở lên đạt 89,9%.

3.2.3. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV về chế độ chính sách dành cho SV tham gia NCKH

Bảng 11: Kết quả cụ thể đánh giá của SV về chế độ chính sách dành cho SV tham gia NCKH

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Chế độ chính sách cho SV tham gia NCKH được thực hiện kịp thời, đúng quy định.	2,7	2,0	4,4	49,0	41,9
Định mức hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH của SV là phù hợp, đảm bảo chi phí cho hoạt động nghiên cứu.	3,0	1,7	5,4	47,0	43,0
SV luôn được hỗ trợ kinh phí gia cố sản phẩm để tham gia giải thưởng SV NCKH các cấp.	2,7	2,3	4,7	45,6	44,6
SV luôn hài lòng về chế độ chính sách cho SV tham gia NCKH.	3,0	1,3	5,7	48,7	41,3

Biểu đồ 9: Mức độ đồng ý của SV về chế độ chính sách dành cho SV tham gia NCKH



Các tiêu chí đánh giá về chế độ chính sách dành cho SV tham gia NCKH

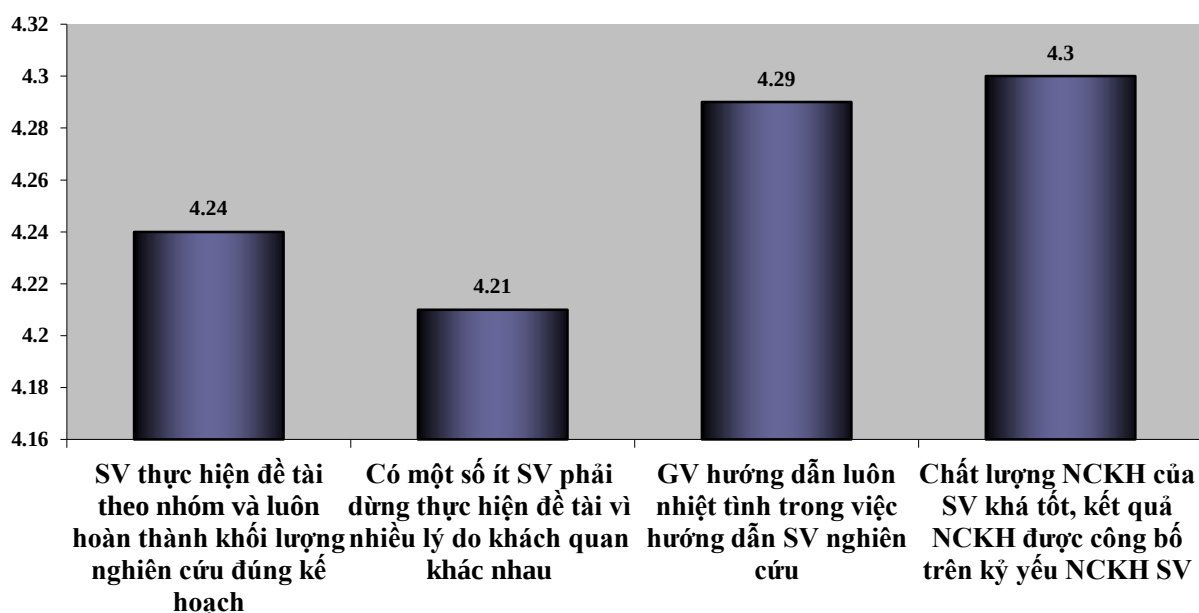
đều được SV đánh giá ở mức rất đồng ý. Trong đó, tiêu chí “SV luôn được hỗ trợ kinh phí gia cố sản phẩm để tham gia giải thưởng SV NCKH các cấp” được đánh giá cao nhất (GTTB=4,27), tỷ lệ SV lựa chọn mức đồng ý trở lên đạt 90,2%.

3.2.4. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV về việc tham gia các loại hình NCKH và chất lượng NCKH của SV

Bảng 12: Kết quả cụ thể đánh giá của SV về việc tham gia các loại hình NCKH và chất lượng NCKH của SV

Tiêu chí	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý một phần (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
SV thực hiện đề tài theo nhóm và luôn hoàn thành khối lượng nghiên cứu đúng kế hoạch.	2,7	3,0	4,0	48,0	42,3
Có một số ít SV phải dừng thực hiện đề tài vì nhiều lý do khách quan khác nhau.	2,3	2,3	7,4	48,0	39,9
GV hướng dẫn luôn nhiệt tình trong việc hướng dẫn SV nghiên cứu.	2,3	2,3	4,4	45,6	45,3
Chất lượng NCKH của SV khá tốt, kết quả NCKH được công bố trên kỷ yếu NCKH SV.	2,7	2,0	4,7	43,6	47,0

Biểu đồ 10: Mức độ đồng ý của SV về việc tham gia các loại hình NCKH và chất lượng NCKH của SV



Các tiêu chí đánh giá về việc tham gia các loại hình NCKH và chất lượng

NCKH của SV đều được SV đánh giá ở mức rất đồng ý. Trong đó, tiêu chí “*Chất lượng NCKH của SV khá tốt, kết quả NCKH được công bố trên kỷ yếu NCKH SV*” được đánh giá cao nhất (GTTB=4,3), tỷ lệ SV lựa chọn mức đồng ý trở lên đạt 90,6%.

3.2.5. Một số ý kiến góp ý của SV để cải tiến chất lượng và đổi mới sáng tạo trong hoạt động NCKH của SV

- Cần cung cấp thêm nhiều trang thiết bị và tạo điều kiện cho SV sáng tạo nhiều hơn.

- Mong nhà trường luôn luôn tạo điều kiện cho SV nói chung và SV Lào nói riêng tham gia hoạt động NCKH của nhà trường.

V. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận

Kết quả phản hồi từ SV, GV về hoạt động NCKH và hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường năm học 2021-2022 cho thấy GV và SV rất đồng ý với những quy định và các chế độ chính sách của Nhà trường về hoạt động này. Tuy nhiên, do trong quá trình xây dựng phiếu khảo sát dành cho GV không có mục đề xuất ý kiến nên chưa thu thập được thông tin góp ý từ phía GV về hoạt động này.

2. Kiến nghị

Lãnh đạo các đơn vị cần tích cực tuyên truyền, phổ biến mục đích, yêu cầu của việc lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH và hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường đến với GV, SV theo kế hoạch nhằm giúp GV, SV nhận thức đầy đủ hơn về việc lấy ý kiến phản hồi, từ đó giúp Nhà trường từng bước cải tiến hoạt động này.

Phòng QLKH&HTQT và Phòng KT-ĐBCLGD cần phối hợp chặt chẽ hơn trong việc thực hiện xây dựng nội dung phiếu khảo sát và thực hiện các nội dung trong quá trình lấy ý kiến phản hồi về hoạt động này.

Để kết quả khảo sát được sử dụng hiệu quả, các đơn vị có liên quan xem xét, đánh giá, xây dựng biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động NCKH và hoạt động sở hữu trí tuệ của Nhà trường (*Mẫu Kế hoạch cải tiến xem lại Phụ lục 1*).

PHỤ LỤC 1

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH CẢI TIẾN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SAU KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC

Căn cứ Thông báo số....., đơn vị..... xây dựng kế hoạch cải tiến, cụ thể như sau:

TT	Nội dung cần cải tiến	Biện pháp thực hiện	Thời gian bắt đầu/hoàn thành	Cá nhân/tập thể chủ trì	Kết quả mong muốn (định lượng, định tính)	Minh chứng mong muốn
1						
2						
3						
...						

Trưởng Khoa/Phòng/Trung tâm
(Ký, họ và tên)